

Nhân mùa Phật đản: nghĩ về trí tuệ trong đạo Phật

ISSN: 2734-9195 13:10 07/05/2022

Tác giả: **Nguyễn Đức Sinh**
Hội Văn học Tp.Ứng Bí - Quảng Ninh

Nhân mùa Phật đản Phật lịch (2566 - DL 2022) để tỏ lòng tri ân hồi hướng đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni Phật với Chính biến tri-Thế gian giải, Ngài đã cứu rỗi muôn loài thoát khỏi các kiếp nạn khổ đau đem lại Hạnh phúc cho Nhân loại. Dẫu đã là Phật tử hay chưa phải là người khải thị Phật giáo, chúng ta cũng đều mang ân nghĩa Đức từ Phụ, bởi Ngài đã phổ độ chúng sinh muôn loài trong suốt hơn 25 thế kỷ qua.

Dựa vào đâu khiến Phật giáo vượt qua được mọi sự khảo nghiệm của thời gian và tồn tại luôn mới mẻ? Thực tế cho thấy Phật giáo hiện nay đang “quyển rũ” các nước Tây phương và châu Âu một cách mạnh mẽ. Với tâm hoàng pháp theo lời Phật dạy, nhân mùa Đản sinh ân điển quan trọng này, chúng ta cùng nhau tìm hiểu và suy niệm về Trí tuệ trong đạo Phật, một pháp phương tiện dẫn đầu trong nhận thức Phật giáo.

Theo kinh điển cũng như các thầy Tổ dạy, mỗi chúng ta đều có sẵn mầm trí tuệ, cái chất trí tuệ của Phật. Nhưng cái mầm ấy không được vun trồng, săn sóc, thiếu đất, thiếu nước, thiếu không khí nên không nảy sinh được cây Bồ-đề; cái chất trí tuệ ấy, như ngọc lẫn lộn trong đá, không được mài dũa nên ánh sáng không phát ra.

Trí tuệ là cái tính sáng suốt xét soi cùng khắp không bị ngăn che, trở ngại. Trí tuệ theo Phạn ngữ gọi là "Prajna", tiếng Trung Hoa dịch âm là Bát-nhã, hay Đại trí tuệ. Để chỉ rõ cái rộng lớn, linh diệu, hiệu quả của trí tuệ, nhiều khi trong kinh còn gọi là Bát-nhã-Ba-la-mật, nghĩa là trí tuệ sáng suốt cùng tột và đưa người tu hành đến quả vị Phật.

Nếu vô minh là cái màn đen tối bao trùm vạn vật, làm cho chúng sinh không nhận được sự thật của vũ trụ vạn hữu và do đó làm cho chúng sinh phải đau khổ, thì trí tuệ trái lại, là cái khí giới duy nhất có công dụng phá tan được màn vô minh ấy, làm cho chúng sinh thấy rõ được sự thật vũ trụ vạn hữu, và thể nhập vào sự thật ấy để sống một cuộc sống an vui, tốt đẹp.

Nói về trí tuệ, trong kinh Di Giáo, Phật dạy: "Người có trí tuệ không tham trước, tự tại sáng suốt, tránh khỏi hầm hố tội lỗi; trí tuệ chân thật là chiếc thuyền kiên cố, đưa chúng sinh khỏi biển khổ sông mê, là ngọn đèn sáng soi miền hắc ám, là liều thuốc chữa được muôn ngàn bệnh tật, là chiếc búa sắt đập tan rừng phiền não, là lưỡi dao bén cắt đứt lưới vô minh".

Sự sai khác giữa trí tuệ thông minh của đời và trí tuệ của Phật.

Khi nói đến trí tuệ, nhiều người tưởng lầm trí tuệ theo nghĩa trong đạo Phật cũng như sự thông minh hiểu biết của thế gian, và chỉ khác chăng là trí tuệ của Phật rộng rãi sáng suốt hơn. Thật ra, sự thông minh hiểu biết của thế gian và trí tuệ của Phật có nhiều điểm sai khác rất đặc biệt và thù thắng. Do sự sai khác đó, giáo lý kinh điển Phật giáo phân biệt hai thứ trí tuệ: Trí tuệ thế gian và trí tuệ trong đạo Phật.



1- Trí tuệ thế gian: là cái biết của thế gian, cái biết còn nhiều sai lầm, sơ sót khiến cho người ta cứ trôi lăn mãi trong ba cõi sáu đường.

Trí tuệ thế gian có thể chia làm hai thứ:

a) Có thứ thông minh láu lỉnh, thấy rộng biết nhiều, nhưng bất thiện; nó chỉ biết phụng sự cho dục vọng, ích kỷ, thỏa mãn bản ngã hẹp hòi, làm tay sai cho cái ác. Cái biết này nhiều khi dẫn đến (cực đoan) nguy hiểm hơn cả cái ngu si nữa, vì nó làm cho con người mất hết cả lương tri dẫn đến tán tận lương tâm ác hơn cầm thú. Cho nên Đức Phật bảo rằng cái thông minh này là một cái nạn lớn trong tám nạn.

b) Có thứ thông minh mẫn tiệp, hiểu biết đâu là thiện nên làm, đâu là ác nên tránh, biết làm những điều lợi ích cho mọi người và xã hội. Tuy thế cái biết này cũng không giúp cho con người thoát ra ngoài vòng khổ não, luân hồi trong tam giới. Vì thế cho nên gọi là trí tuệ thế gian.

2- Trí tuệ trong đạo Phật: cũng có hai thứ: a) Hữu lậu trí: cái trí chưa có năng lực đoạn các phiền não hữu lậu. Nghĩa là trong lúc ở địa vị phàm phu tu nhân, tuy dùng trí tuệ quán sát thân bất tịnh, thọ là khổ, tâm vô thường pháp vô ngã, nhưng rồi lúc nào cũng thấy là tịnh, là vui, là thường là thật ngã, còn bị phiền não hữu lậu lấn áp, không thể phá trừ được.

b) Vô lậu trí: cũng gọi là Bát-nhã-trí; Trí này đã phá trừ các phiền não hữu lậu, đạt đến chỗ rốt ráo thanh tịnh, nhưng chỉ khi đăng thánh quả mới có; Trí này có hai phần:

- Về phương diện "thể" tức là căn bản trí, cũng gọi là thật trí, vô phân biệt trí, như lý trí, chân trí v.v...Kinh nói: "Như Lai dùng căn bản trí (vô phân biệt trí) duyên chân như, tâm và cảnh không hai, không có năng sở", hay nói: "Dùng thật trí thấy rõ thật tướng của các pháp".

- Về phương diện "dụng", tức là hậu đắc trí. Sau khi đăng căn bản trí rồi mới có trí này, cũng gọi là quyền trí, sai biệt trí. Kinh nói: "Đức Như Lai dùng quyền trí, thấu rõ các pháp sai biệt, giáo hóa chúng sinh".

Công năng của trí tuệ

Theo các Tổ thầy dạy, người ta sống trong đời như đi trong đêm tối, như chèo thuyền giữa biển mê mông, không biết đâu là bờ bến. Trí tuệ thế gian là ngọn đèn soi sáng khoảng đường ta đi, là địa bàn chỉ phương hướng cho ta đến. Người hơn vạn vật, làm chủ được muôn loài là nhờ trí tuệ, nền văn minh tiến bộ về vật chất của nhân loại như ngày nay cũng nhờ trí tuệ.

Nhưng dù văn minh đến đâu thì loài người cũng không vượt thoát được cảnh giới Ta-bà này, cũng vẫn còn đau khổ, vẫn còn chịu sự chi phối của bệnh tật, già yếu, chết chóc, sầu thương...

Muốn thoát khỏi cảnh khổ thế gian, phải nhờ trí-tuệ của Phật. Theo các Tổ thầy dạy, trí-tuệ của Phật có nhiều công năng, diệu dụng khác với thế gian trí. Dựa theo tính cách của công năng, diệu dụng ấy. Duy thức học chia trí tuệ ra làm bốn loại, có bốn tên khác nhau: Khi ở địa vị phàm phu, còn trong mê muội, thì mỗi người có 8 thức và 51 món tâm sở, đến khi chứng đăng Thánh vị thì tâm thức và 51 món tâm sở ấy đều chuyển ra thành trí. Thức thứ 8 là A-lại-gia, có công năng gìn giữ thân mạng, chủng-tử và thế giới. Khi đạt đến địa vị vô lậu thì thức này biến thành "đại viên cảnh trí": Trí sáng suốt như bức gương lớn và tròn đầy, chỉ thị cho thể tính chân như.

Thức thứ 7 là Mạt-na, có công năng thường chấp ngã, khi đạt đến địa vị vô lậu, biến thành "bình đẳng tính trí": nhận thức các pháp là đúng với tính bình đẳng vô ngã của nó.

Thức thứ 6 là ý thức, có công năng phân biệt so đo, khi đạt đến địa vị vô lậu, biến thành "diệu quán sát trí": năng lực quán sát thần diệu.

Năm thức trước (Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức) có công năng tiếp xúc trần cảnh, khi đạt đến địa vị vô lậu, biến thành "thành sở tác trí": có năng lực nhận thức cùng khắp, thành tựu mọi công việc.

Gương Trí tuệ của đức Thế Tôn

Đức Phật chúng ta gọi là đấng Giác ngộ. Danh từ này được nhân loại từ xưa đến nay thừa nhận và tôn xưng.

Theo lịch sử, đức Phật Thích Ca, ngay từ khi còn thơ ấu đã tỏ ra trí tuệ hơn người. Lúc mới 7 tuổi, một hôm đi xem lễ cày, thấy cảnh tương tàn tương sát giữa sinh vật, Ngài nhận chân được nỗi khổ của kiếp sống, và cái định luật khắc nghiệt của cõi đời là sự sống chống nên sự chết của muôn loài muôn vật. Ngài chỉ học một mà biết mười, nên đã làm cho các vị giáo sư, phải ngạc nhiên và bái phục, tôn Ngài lên làm thầy dạy lại họ. Mỗi lần dạo thăm một cửa thành là Ngài tìm được một sự thật đen tối của cõi đời: đó là sinh, lão, bệnh, tử của con người và sự sống chết của loài vật...nhưng biết sự thật ấy không phải để mà biết, rồi xuôi tay bất lực, hay than khóc một cách tiêu cực.

Ngài không dừng cái hiểu biết của Ngài tại đó, mà còn đẩy xa ánh sáng trí-tuệ của mình, tìm đến nguyên nhân đau khổ. Tìm được nguyên nhân đau khổ rồi, Ngài lại tìm phương pháp để dứt trừ nguyên nhân đau khổ ấy. Đến đó Ngài cũng không chịu dừng nghĩ, mà còn tìm một cảnh giới giải thoát rất ráo cho mọi chúng sinh. Tuy nhiên công cuộc tìm tòi và thành tựu giải thoát ấy không phải dễ dàng. Ngài đã phải rời bỏ tất cả những gì quý báu thân yêu, lặn lội tìm thầy, tìm bạn để học hỏi, đi hết xứ này đến xứ khác, nghe ở đâu có vị đạo sĩ, triết gia thông minh xuất chúng là Ngài đến thụ giáo, không quản đường xa dặm thăm, núi rừng hiểm trở.

Nhưng đến đâu, Ngài cũng thấy cái biết của họ chưa cùng tột, còn có những nỗi thắc mắc chưa được giải quyết. Trước tình thế ấy, đành chịu đầu hàng vô minh chăng? - Không thể như thế được! Ngài quyết tâm phá tan màn vô-minh mới thôi! Không thể nhờ ai dạy cho mình phương pháp diệt khổ hoàn toàn và đem đến niềm vui vĩnh viễn được, Ngài tự mình tìm lấy. Từ đó, ngày đêm Ngài tham-thiền, nhập-định trong suốt 49 ngày dưới cội Bồ-đề. Và một buổi bình minh kia (tức đêm cuối cùng ngày 49) Trí-tuệ của Ngài bừng sáng, chiếu khắp mười phương, soi thấu suốt từ quá khứ đến vị lai. Ngài thấy được bản thể vũ trụ từ thực chứng Tam minh - Lục thông. Lục thông (sáu thần thông ấy) giúp Ngài thấy:

1- *Thiên nhãn thông*: mắt Ngài có thể nhìn thấy được vật bên kia vách, vật bên kia núi, từ cõi Ta-bà Ngài có thể thấy được những thế giới xa xăm khác (điều này đã được khoa học ngày nay kiểm chứng).

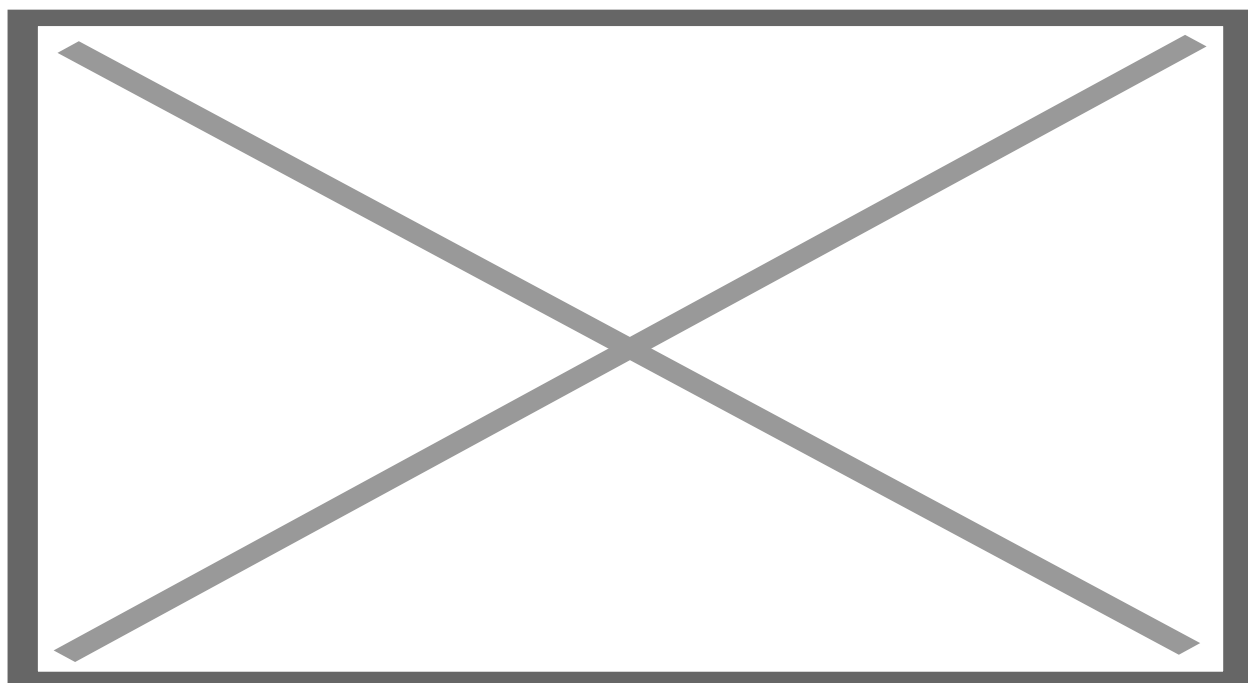
2- *Thiên nhĩ thông*: tai Ngài có thể nghe và hiểu được tiếng của muôn loài.

3- *Tha tâm thông*: Ngài hiểu rõ được tâm tư tình cảm của mỗi chúng sinh.

4- *Túc mạng thông*: Ngài biết rõ những kiếp quá khứ của Ngài và chúng sinh như một đời, hai đời, cho đến vô số đời (chỉ riêng Phật, Bồ-tát có được điều này).

5- *Thần túc thông*: (còn gọi là biến hóa thần thông) Ngài từ một thân, biến thành nhiều thân, và từ nhiều thân biến thành một thân. Ngài có thể đi qua vách, qua núi, đi trên nước, ngồi trên hư không, Ngài có thể sờ mặt trăng, mặt trời với bàn tay của Ngài. (theo duy thức thì điều này khoa học còn mịt mù chưa giải thích được).

6- *Lậu tận thông*: Ngài đã gột sạch phiền não từ tâm của Ngài và dạy cho người khác về phương pháp đoạn trừ cấu nhiễm để chứng đạt Niết bàn. (xem đức Phật và Phật pháp, tr 51-35 kinh Ma ha Skuludi Dayi. Trung bộ II tr 308- kinh Sihanada Suta (kinh Sư Tử Hống).



Mầm trí tuệ và sự trau dồi tâm trí của người Phật tử

Theo kinh điển và các thầy Tổ dạy, mỗi chúng ta đều có sẵn mầm trí tuệ, cái chất trí tuệ của Phật. Nhưng cái mầm ấy không được vun trồng, săn sóc, thiếu đất, thiếu nước, thiếu không khí nên không nảy sinh được cây Bồ-đề; cái chất trí tuệ ấy, như ngọc lẫn lộn trong đá, không được mài dũa nên ánh sáng không phát ra.

Muốn có được trí tuệ như Phật, chúng ta phải tu theo các pháp mà Phật đã chỉ bày. Những pháp tu Phật dạy rất nhiều, nhưng chúng ta nên lựa vài pháp môn thông thường có thể thực hiện được trong đời sống hàng ngày của chúng ta.

Theo thầy Tổ dạy, trước tiên chúng ta phải biết nghe, biết thấy (Văn). Không phải chỉ nghe những điều thiết yếu của Phật dạy, thấy những điều thiết yếu trong kinh điển là đủ. Trong đời sống hàng ngày, chúng ta có thể nghe thấy những điều bổ ích quanh ta. Nói một cách khác là ta phải luyện khiếu quan sát

để rút ra những bài học về Phật pháp quý báu. Trong khi nghe, thấy, quan sát chúng ta cố gắng đừng để cho dục vọng, ích kỷ dính vào cái thấy, cái nghe, cái quan sát của ta.

Đừng yêu, đừng ghét, đừng thiên vị cái mà dục vọng, lòng tư-kỷ yêu, ghét thiên vị. Nói một cách khác là đừng để cho cái "ta" hẹp hòi bắt buộc ta chỉ quen mở mắt nhìn cái nó thích, nghe cái nó ưa, và nhắm mắt bịt tai, không cho lọt vào mắt ta, tai ta cái nó không ưa, không thích. Đừng sợ sự thật, đừng sợ ánh sáng, nhất là sự thật ấy có thể làm mất lòng "cái ta" bản ngã, và khi cái ánh sáng ấy làm chói mắt "cái ta". Ở đời biết bao nhiêu người có mắt mà không thấy, có tai mà không nghe, vì mắt, tai bị cái màn của thói quen, thành kiến, quyền lợi, thất tình, bản ngã che lấp.

Vậy trước khi nghe, khi nhìn, chúng ta hãy vén cái màn đen tối ấy lên. Nghe thấy, quan sát một cách sáng suốt, khách quan cũng chưa đủ để thấy rõ được sự thật nằm bên trong sự vật. Phải dùng trí để suy nghiệm (tức tư duy) xét soi tất cả mọi khía cạnh, chia chẻ sự vật để thấy được cái cốt lõi, nguyên lý của nó. Phải luôn luôn đặt những câu hỏi: "vì sao, "thế nào", "rồi sao nữa". Bất luận một lời, một cử chỉ, một hành động gì, trước khi làm, ta cũng phải dùng trí tuệ để soi xét cho thấu đáo ngọn ngành.

Thí dụ khi ta thích ăn ngon, thích ngủ nhiều, ta phải tự hỏi xem những tính xấu ấy rồi sẽ đưa ta đến kết quả gì, có làm cho ta tiến bộ hay thoái hóa; ta nhận xét xem có ai thích ăn, ngủ nhiều mà thành tựu trong đời họ không. Khi ta muốn đắm mình vào cờ bạc rượu chè, hút xách, ta phải tự hỏi xem có người nào mê say những thứ ấy mà thân hình không bạc nhược, tinh thần không sa đọa, gia đình không tan nát không. Khi ta nói dối trá, lừa đảo người này, bóc lột kẻ khác, ta hãy nghiệm xem kết quả của những hành động ấy sẽ thế nào, người ta có tín nhiệm ta mãi chẳng, ta có được người đời kính mến chẳng, ta có được mãi mãi yên thân với những hành động xấu xa ấy chẳng. Khi ta nóng giận, kiêu mạn ta hãy hồi tâm nghĩ lại xem những tính xấu ấy đã tàn hại cuộc đời chung, và đời riêng đến mức nào.

Nếu dứt trừ được những tính ấy, tâm hồn ta sẽ nhẹ nhàng thư thái, cuộc sống giữa xã hội với con người sẽ được an vui. Tóm lại, nghĩa là chúng ta phải dùng trí-tuệ trong mọi ý nghĩ, lời nói, cử chỉ hành động ở mọi địa hạt, hoàn cảnh, trong mọi thời, mọi thế. Và nên nhớ rằng, si-mê là gốc của muôn tội lỗi, trí-tuệ là gốc của muôn hạnh lành. Tổ sư có dạy một câu rất thâm thúy: "Bất úy tham, sân khởi, duy khùng tự giác trí" (không sợ tham sân nổi dậy, mà chỉ sợ trí tuệ, tự giác chậm chạp, không phát lộ).

Nói một cách khác là ta hãy luôn luôn cảnh giác, tỉnh táo, sáng suốt, dùng đuốc trí tuệ luôn luôn soi sáng đời ta. Hãy làm trí tuệ của ta luôn bừng dậy bằng những câu hỏi về nguyên nhân, kết quả, thực tại, quá khứ, tương lai...Hỏi luôn hỏi mãi, hỏi khi nào rõ mới thôi. Không bao giờ chụi nhận một lời giải đáp nửa vời...

Ở đây chúng ta cũng nên tỉnh táo, để phòng những cạm bẫy nguy hiểm của dục vọng, của cái "ta", của vô minh, nghĩa là có những câu giải đáp như những liều thuốc ngủ, không giải đáp gì cả mà chỉ thoa dịu, vỗ về du ngủ ta, để ta đừng hỏi nữa. Có những câu giải đáp không trả lời thẳng vào câu hỏi để mở rộng sự hiểu biết, mà chỉ nhằm tâng bốc "cái ta", làm thỏa mãn dục vọng, nâng cao cái ngã mạn, ngã ái, khiến cho lý trí ta mỗi ngày một lu mờ, không còn khả năng sáng suốt để nhận rõ đâu là phải, đâu là trái, đâu là hay, đâu là dở nữa.

Nhưng ngược lại, cũng nên đề phòng một khuyết điểm thứ hai là sự ham chuộng tìm biết sự thật để thỏa mãn tính tò mò, cái biết suông, biết để mà biết, cái biết vô trách nhiệm. Thế nên các tổ thầy trong thiền tông, tức Thanh tịnh thiền dạy: "Thấy chẳng thấy, nghe chẳng nghe là vô minh"; biện tâm như thế cũng là thiền.

Cái biết của người trau dồi trí tuệ, là cái biết dựa trên tình thương và lòng từ bi, cái biết làm thế nào cho mình, cho nhân loại, chúng sinh thoát ra ngoài vòng hoàn cảnh khổ đau, xa hơn là thoát khỏi tam giới tử sinh này; cái biết đem lại an vui cho tất cả, cái biết của "xuất thế gian trí".

Biết chân chính cũng chưa đủ. Cần phải thực hành theo cái biết ấy (Tu). Biết, mà có thực hành, mới có thật nghiệm; có thật nghiệm, thật chứng mới thật là biết. Theo thầy Tổ, thực hành là cái lò để luyện thép trí tuệ, là viên đá để mài ngọc trí-tuệ. Không thực hành thì cái biết ấy chỉ là cái biết suông, không đủ sức để đuổi tà niệm, phá tan vô minh, thân chứng lý vô ngã, thể ngộ pháp vô sinh.

Muốn trau dồi trí tuệ cho có kết quả, Tổ thầy dạy người phật tử chúng ta phải thực hành theo pháp tam vô-lậu-học đó là: Giới, Định, Huệ.

a) Giới là ngăn chặn, đón giữ tà niệm, vọng tâm không cho nó phát sinh. Giới là bức thành cao ngăn chặn giặc phiền não, là đạo quân tinh nhuệ dẹp trừ Ma vương. Giới là bóng đèn bao bọc ngọn đèn trí-tuệ, không cho gió vô minh làm xao động hay thổi tắt.

b) Định là phép làm cho thân tâm định tĩnh; là tham-thiền nhập-định. Định như ngọn đèn khi hết gió làm chao động, tập chung được ánh sáng, soi chiếu được xa. Định như ly nước được để yên một chỗ, làm cho bao nhiêu cái bẩn đều lắng xuống. Cũng thế, định như mặt nước hồ im lặng, phẳng lì có thể phản chiếu được rõ ràng bầu trời cây cỏ và muôn vật...

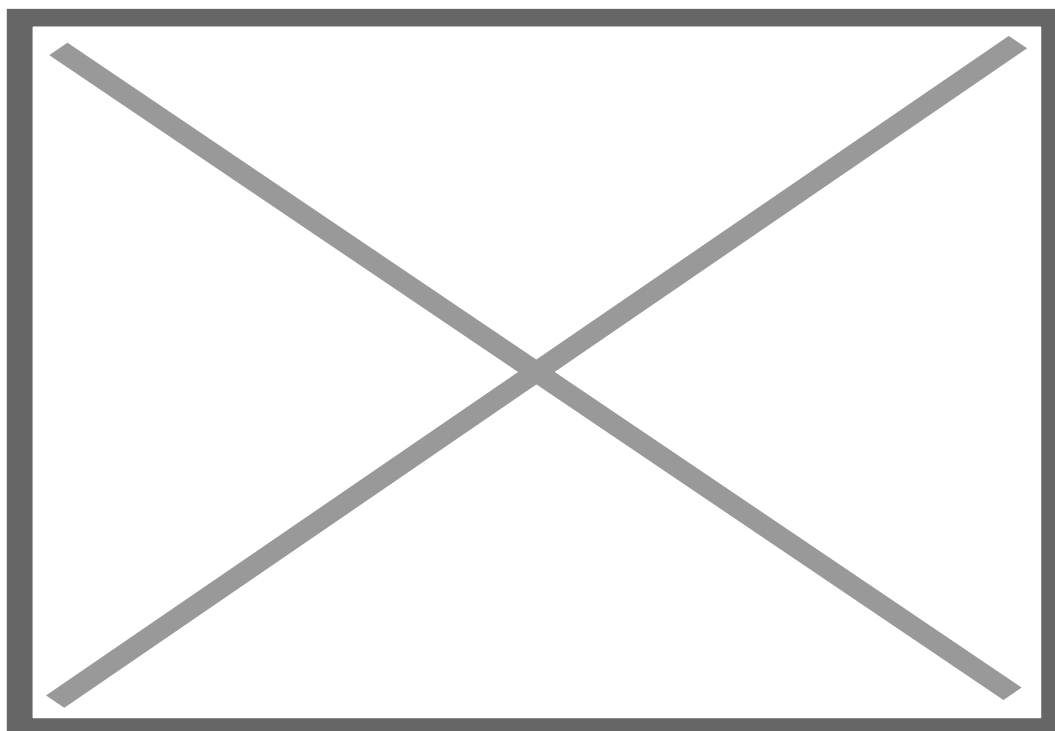
c) Huệ là sự soi sáng, sự phát ra ánh sáng với bao nhiêu diệu dụng của nó, làm cho kẻ tu hành thấy biết được rõ ràng thật tướng của nhân sinh, vũ trụ nguồn gốc của khổ đau và con đường đưa đến giải thoát hoàn toàn.

Khi đã biết được đúng đắn, cùng khắp, rõ ràng như thế, gọi là "Chính biến tri". Trí tuệ khi đạt đến trình độ hiểu biết này thì nghiệm nhiên trở thành "Chính-đẳng Chính-giác" tức trí tuệ Phật!

Nhân đây, xin nêu một nhận định của Giáo sư-tiến sĩ triết học Nguyễn Hữu Liêm trong bài "Chỗ đứng của đạo Phật trong triết học ở Hoa Kỳ hiện nay" để so sánh giữa Trí tuệ của thế gian, tức (thế gian trí) với Trí tuệ trong đạo Phật. Giáo sư

Liên cho rằng “Văn minh Tây phương đã tiến hóa đến mức khá thể...và vươn đến văn minh lý tính, để rồi không có gì để chiến đấu và hy sinh nữa...chính vì điều này đã tạo ra cho con người một lỗ hổng mới và dẫn đến con người thế giới Tây phương đang mắc phải chứng bệnh trầm cảm. Triết học Tây phương vì không có gì để nói nữa, những cái gì đáng nói đã nói hết rồi và bây giờ như con rắn quay lại ngậm cái đuôi của mình, trái lại những phân tích trở thành tiêu cực. Tại sao vậy? Là vì họ (tức triết học Tây phương) không có một hệ thống giáo lý như Phật giáo, mà Phật giáo cống hiến cho họ đó là GIỚI-ĐỊNH-TUỆ”.

Từ nhận định trên, cho chúng ta có thêm những minh định để chứng minh về thế gian trí và trí vô lậu của Phật giáo, bởi Phật giáo có (giới, định, tuệ). Tuệ này khai mở và “câu thông” được với những vấn đề mới mẻ của vũ trụ (Đại đạo) nên tuệ giác trong Phật giáo không hề vơi cạn. Cũng theo Giáo sư (NHL) “Trong lịch sử phát triển của người Tây phương mấy thế kỷ gần đây họ đã vượt quá xa về lĩnh vực khoa học thực nghiệm và kỹ thuật; kể cả triết học. Nhưng đến một lúc họ bỗng giật mình thấy rằng, khám phá thế giới bên ngoài không đủ đem lại hạnh phúc như họ tưởng, bởi vì con người còn có đời sống bên trong”. Đến đây thì chúng ta thấy rõ sự khác biệt giữa tri thức thông minh của con người ở đời sống thế gian với tuệ tri của người tu hành (chân chính) dựa trên nền tảng của pháp (Giới, Định, Tuệ) là điều quá thâm hậu không thể so sánh.



Thay lời kết

Để tránh sự lầm lẫn giữa trí thức thế gian và Trí tuệ của người tu đạo. Trong cuốn sách nhỏ có tựa đề: "Trí thức và Trí tuệ" của HT-Thiền sư Thích Thanh Từ (Nxb. Tổng hợp Tp.HCM-ấn hành 2011) người viết bài này thấy Thiền sư phân tích về vấn đề nêu trên rất sâu sắc và hợp lẽ (bởi đây là hai khái niệm rất dễ

nhầm lẫn) vậy trong phần kết của bài viết này, xin dẫn đôi nét nhận xét của Sư ông Trúc lâm Thanh Từ đề cập về nội dung trên để chúng ta cùng suy ngẫm: "Người đời thường gọi người trí thức là học giả hay nhà bác học. Các danh xưng này được người đời quý trọng.

Với người tu trong đạo Phật, không chú trọng trí thức mà chú trọng trí tuệ; không nói học giả mà nói hành giả, không nói nhà bác học mà nói người được trí tuệ Vô lậu (1). Bởi vì trí thức là do ý thức nhanh nhẹn khéo léo, so sánh phân biệt, đối chiếu rành rõ, khiến người nghe dễ nhận dễ hiểu. Đó gọi là người trí thức. Còn học giả là lượm lặt những hiểu biết của người khác, những cái hay, cái lạ gộp nhặt về chứa đựng rồi cho đó là kiến thức của mình.

Kế nữa là những nhà bác học nghiền ngẫm, tìm kiếm rộng rãi trong các ngành triết học, khoa học...nghiên cứu phát minh những sáng tạo mới. Như vậy, những nhà trí thức, học giả và bác học là nhắm thẳng vào ý thức sinh diệt, tìm tòi lượm lặt bên ngoài, chứa nhóm lại thành kiến thức của mình, rồi sử dụng trở lại kiến thức ấy. Tất cả những sử dụng đó đều nhắm vào điều kiện vật chất, lo cho thân này, cảnh này. Đó là lo trên phương diện sinh diệt (vô thường) được rồi lại mất.

"Ngược lại, người học Phật lấy Trí tuệ làm gốc. Trí tuệ trong đạo Phật chia ra hai phần như đã nói ở phần trên: Một là trí tuệ hữu lậu, hai là trí tuệ vô lậu. Trí tuệ hữu lậu là (văn, tư, tu); trí tuệ vô lậu là (giới, định, tuệ). Giới là phương tiện ban đầu để câu thúc, dừng cho tâm chúng ta phóng túng. Từ Giới sinh Định, từ Định sinh Tuệ, trí tuệ đó không do học mà có, mà do chúng ta ứng dụng tu để hiển lộ trí vô sư.

"Vì đức Phật thấy nơi mọi chúng ta sẵn có Tính giác, chúng ta không cần kiếm ở bên ngoài mà "phản quan tự kỷ" tức nhìn lại mình cho tâm được an định. Tâm an định thì ý thức lắng xảng lắng xuống, bấy giờ tính giác sẽ hiện tròn đủ, không tìm kiếm ở đâu xa. Từ định này sẽ hiện ra trí tuệ chân thật của chính mình. Như vậy, trí tuệ chân thật cũng chính là tính giác của chúng ta.

Với thế gian, thì gộp nhặt những kiến thức, hiểu biết của người khác để làm phong phú thêm trí tuệ, thông minh của mình, còn trong đạo thì chúng ta lại bỏ hết những lắng xảng của tâm thức. Gạt bỏ tất cả lắng xảng để tâm an định. Tâm an định thì tính giác hiện ra tròn đầy. Được trí tuệ vô lậu rồi, chúng ta sẽ không còn rớt lại, không còn chìm trong luân hồi sinh tử nữa (đây là cứu cánh của đạo Phật). Như vậy, theo Thiền sư Thanh Từ: người tu học bỏ ra, còn người đời học thu vào. Hai bên khác nhau ở chỗ đó.

Cho nên đức Phật Bốn sư Thích Ca của chúng ta ngồi dưới cội Bồ-đề tới đêm bốn mươi chín Ngài giác ngộ. Khi Giác ngộ viên mãn Ngài tuyên bố thành Phật và tuyên bố "ta học đạo không có thầy". Ai dạy Ngài trong lúc đó? Chính vì tâm an định nên Ngài sáng ra, nên Phật nói được đạo mà không ai dạy. (theo Sư ông Trúc lâm Thanh Từ).

Cũng theo Phật học từ điển của Đoàn Trung Còn (Nxb. Tp.HCM-2006) khi đề cập về cái trí của đạo cũng nói: Cái trí của Phật là hoàn toàn, cao trội hơn tất cả các

cảnh trí. Cái trí ấy kêu là Nhất Thiết Củng Trí, cao hơn nhất thiết trí là cái trí của hàng Thanh văn (La-hán) và hàng Duyên giác, và cao hơn Đạo chủng trí là cái trí của hàng Bồ-tát.

Cái trí bao quát của chư Phật, chư Bồ-tát cũng kêu là Đại trí. Ngài Văn Thù Bồ-tát được Phật khen và ban cái danh hiệu là Đại-trí, cũng như ngài Phổ Hiền được Phật gọi là Đại Hạnh và ngài Quan Âm được Phật tặng cho hiệu là Đại-bi.

Bồ-tát đương tu tập, muốn mau chóng thành Chính giác: cần phải gia tăng hai mối tu: Trí và bi.

Trí là đoạn diệt các phiền não nơi mình, trừ diệt các sở lamm.

Bi là đem lòng từ-bi làm việc lợi ích, tế độ chúng sinh. Tăng trí tức là tu Huệ; tăng bi tức là tu Phước; gia tăng cả hai mối ấy, kêu là phước huệ song tu.

Tác giả: **Nguyễn Đức Sinh**

Hội Văn học Tp.Ông Bí - Quảng Ninh

Chú thích:

(1) Trong Phật giáo có phân ra hai loại trí: 1/ Trí hữu lậu, là cái tâm trí còn luyến ái, còn ưa ngôi vị trong tam giới, cái tâm trí chưa giải thoát. 2/ Trí vô lậu, là cái tâm trí dứt phiền não, không luân chuyển trong tam giới, cái tâm trí của hàng đắc đạo như La-hán, Duyên giác, Bồ-tát, Phật.

Tài liệu tham khảo:

- Tám quyển sách quý - cố HT. Thích Thiện Hoa - (Thành hội Phật giáo-HCM - ấn hành-1990).

- Trí thức và Trí tuệ - Thích Thanh Từ - (Nxb Tổng hợp Tp.HCM-2011)

- Bài thuyết trình "Chỗ đứng của đạo Phật trong triết học ở Hoa Kỳ hiện nay"- Giáo sư -tiến sĩ Nguyễn Hữu Liêm- trình bày tại Chùa giác Ngộ - Tp. HCM - ngày 16/8/2017)